

Sự cần thiết của việc xây dựng Khung năng lực số cho học viên người lớn ở trung tâm học tập cộng đồng

Mai Thị Phương^{*1}, Hồ Huyền Trang²,
Nguyễn Thị Hải³

* Tác giả liên hệ

¹ Email: phuongmt@vnies.edu.vn

² Email: tranghh@vnies.edu.vn

³ Email: haint@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Số 4 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Nghiên cứu khái quát Khung năng lực số cho người lớn học tập ở trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh chuyển đổi số là một bước đi cần thiết cho giáo dục Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Trong học tập của người lớn, việc phát huy trong chuyển đổi số để thúc đẩy học tập suốt đời, tạo ra các phương thức học mới, hiệu quả, tiết kiệm, thuận tiện là đóng góp thiết thực của công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Bằng phương pháp nghiên cứu lý luận, bài viết tập trung vào sự cần thiết của việc xây dựng Khung năng lực số cho học viên người lớn ở trung tâm học tập cộng đồng. Trên cơ sở đó đề xuất các nguyên tắc xây dựng Khung năng lực số cho học viên người lớn ở trung tâm học tập cộng đồng.

TỪ KHÓA: Năng lực số, Khung năng lực số, học viên người lớn, trung tâm học tập cộng đồng, kĩ năng.

→ Nhận bài 03/8/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 18/9/2023 → Duyệt đăng 15/11/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12311105>

1. Đặt vấn đề

Thế giới đang bước vào kỉ nguyên của chuyển đổi số - quá trình thay đổi gắn liền với việc ứng dụng công nghệ số vào mọi mặt đời sống xã hội của con người. Việc chuyển đổi số trong giáo dục đã và đang diễn ra phổ biến ở hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Với sự phổ biến của phương tiện và dữ liệu số, việc phát triển kiến thức, kĩ năng của người học trong lĩnh vực này là điều quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tìm kiếm việc làm. Bối cảnh đó đặt ra cho Việt Nam và các quốc gia trên thế giới thách thức lớn về thiếu hụt lao động trình độ cao, có chuyên môn, kĩ năng. Theo đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”: Mục tiêu đến năm 2025: 50% số người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin; 70% các trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí, tổ chức hoạt động giáo dục. Mục tiêu đến năm 2030: 70% người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin; 90% các trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí, tổ chức hoạt động giáo dục [1, tr.2-3].

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”. Mục tiêu chung của Đề án là: “Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lí giáo dục; xây dựng nền

giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số” [2, tr.2]. Như vậy, trong học tập của người lớn, việc phát huy trong chuyển đổi số để thúc đẩy học tập suốt đời, tạo ra các phương thức học mới, hiệu quả, tiết kiệm, thuận tiện là đóng góp thiết thực của công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khung lý thuyết

2.1.1. Các quan niệm về năng lực số

UNESCO định nghĩa năng lực số như sau: “Năng lực số/digital competencies là khả năng truy cập, quản lí, hiểu, tích hợp, giao tiếp, đánh giá và tạo thông tin một cách an toàn và phù hợp thông qua các công nghệ kĩ thuật số cho việc làm và khởi nghiệp. Năng lực này bao gồm các năng lực được gọi chung là hiểu biết về máy tính, hiểu biết về công nghệ thông tin và truyền thông, hiểu biết về thông tin và hiểu biết về truyền thông” [3, tr.6].

Dự án DKAP do UNESCO Bangkok khởi xướng định nghĩa: “Năng lực số là khả năng sử dụng kĩ thuật số của trẻ em để định hướng (tự điều chỉnh), tham gia và đóng góp vào môi trường kĩ thuật số trong thế kỉ XXI” [4, tr.33].

Ủy ban và Nghị viện Châu Âu định nghĩa năng lực số liên quan đến việc tự tin và thành thạo trong việc sử dụng công nghệ xã hội thông tin (Technology Society Information) trong công việc, giải trí và giao tiếp. Năng lực số được củng cố qua các kĩ năng cơ bản trong công nghệ thông tin - truyền thông như là sử dụng máy tính

để tìm kiếm, đánh giá, lưu trữ, sản xuất, trình bày và trao đổi thông tin, giao tiếp và tham gia vào các mạng hợp tác thông qua Internet [5, tr.11].

Như vậy, năng lực số được hiểu là khả năng tập trung, áp dụng công nghệ vào thực tiễn thông qua thái độ, sự thấu cảm, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đổi mới sáng tạo. Các khía cạnh cơ bản được nhấn mạnh trong quan niệm về năng lực số bao gồm các năng lực máy tính, năng lực công nghệ thông tin - truyền thông, năng lực thông tin và năng lực phương tiện... nhằm giúp người dùng sử dụng, tham gia, phân tích, đánh giá, tạo lập thông tin an toàn và phù hợp, hiệu quả qua các công nghệ số để học tập, làm việc và tham gia các hoạt động xã hội.

2.1.2. Cấu trúc Khung năng lực số

a. Quan niệm về Khung năng lực số

Từ khái niệm năng lực số ở trên cho thấy, Khung năng lực số được hiểu là sự cụ thể hóa để mô tả hay thể hiện một cách khái quát nhất những năng lực số thành phần (như năng lực máy tính, năng lực công nghệ thông tin-truyền thông, năng lực thông tin và năng lực phương tiện,...). Khung năng lực số được xây dựng dựa trên mục đích sử dụng, các yếu tố kỹ thuật hoặc xã hội hay kết hợp các yếu tố. Mỗi Khung năng lực số sẽ được xây dựng dựa trên các quan điểm khác nhau về kiến thức số cũng như tùy thuộc vào đối tượng áp dụng.

b. Cấu trúc Khung năng lực số

Theo Hague và Payton, năng lực số được hình thành từ 8 nhóm khả năng, bao gồm: khả năng kỹ thuật cơ bản; óc sáng tạo; tư duy phản biện và đánh giá; hiểu biết văn hóa và xã hội; tinh thần hợp tác; khả năng tìm kiếm và chọn lọc thông tin; khả năng giao tiếp hiệu quả; khả năng đảm bảo an toàn thông tin điện tử. 8 thành phần này có quan hệ tương hỗ lẫn nhau [6, tr.19]. Như vậy, ngoài phương diện kỹ thuật và công cụ máy tính, năng lực số cần có một nền tảng rộng hơn, bao gồm cả óc sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng đánh giá và hiểu biết các vấn đề văn hóa, xã hội của công nghệ số. Khả năng sử dụng thành thục và an toàn các công cụ kỹ thuật có vai trò quan trọng nhưng vẫn nhằm mục tiêu phát triển các khả năng hợp tác và giao tiếp với người khác (xem Hình 1).

Về thành phần Khung năng lực số, Janssen và cộng sự (2013) đã đề cập đến các khía cạnh luật pháp và đạo đức; Đời sống riêng tư và an toàn thông tin; Hiểu biết về vai trò của công nghệ thông tin- truyền thông trong xã hội; Thái độ cân bằng đối với công nghệ. Đồng thời, các tác giả này cũng phân biệt mức độ thành thục khác nhau, từ một “vùng lõi” là các kiến thức và năng lực cơ bản, đảm bảo nhu cầu sử dụng công nghệ số trong đời sống hàng ngày hay công việc, đến các bậc cao hơn như học tập về công nghệ số và bằng công nghệ số, quyết định đổi mới thông qua công nghệ hay sử dụng liên tục



Hình 1: Các thành phần của năng lực số [6]



Hình 2: Các thành phần của Khung năng lực số theo Janssen và cộng sự (2013)

và thành thục các công cụ số một cách chủ động với hiệu quả cao (xem Hình 2) [7].

c. Một số Khung năng lực số đã được xây dựng

Việc chuyển đổi số đã diễn ra ở hầu hết các nước trên thế giới. Các khảo cứu chi tiết của UNESCO và nhiều tổ chức trên thế giới đã nỗ lực thực hiện cho thấy tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển Khung năng lực số. Tuy nhiên, mỗi quốc gia lại có những Khung năng lực số khác nhau, tùy thuộc vào định hướng của quốc gia và đối tượng mà họ hướng đến (xem Bảng 1).

Như vậy, các khảo cứu chi tiết đã thực hiện và cho thấy tính đa dạng của các mô hình chuyển đổi số và Khung năng lực số cho các đối tượng người học khác nhau. Mỗi Khung năng lực số đều có những đặc điểm riêng, có cách phân tích và thể hiện khác nhau. Nhưng các Khung năng lực số giống nhau ở chỗ đã vượt ra khỏi phạm vi các kỹ năng công nghệ số, hướng đến kỹ năng nhận thức và kỹ năng xã hội của kiến thức số. Để phát triển mạnh trong nền kinh tế và xã hội được kết nối, các kỹ năng kỹ thuật số cũng phải kết hợp cùng với

Bảng 1: Một số Khung năng lực số đã được xây dựng

Nội dung Các Khung năng lực số	Khung năng lực số Châu Âu (DigComp 2.0) [8, tr.11]	Khung năng lực số của UNESCO [3, tr.23]	Khung năng lực số cho trẻ em Châu Á - Thái Bình Dương (DKAP) [4, tr.62]	Khung năng lực số theo Chương trình Tư duy thời đại số của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn [9, tr.10]
Năm đề xuất	2017	2018	2019	2021
Tổ chức đề xuất	Hội đồng Châu Âu (European Commission)	UNESCO	Dự án của UNESCO được thực hiện ở Bangladesh, Fiji, Hàn Quốc và Việt Nam.	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội hợp tác nghiên cứu cùng Facebook.
Đối tượng	Cho mọi đối tượng là công dân tại Châu Âu.	Cho mọi công dân toàn cầu	Dành cho trẻ em Châu Á - Thái Bình Dương.	Dành cho sinh viên trong thế kỉ XXI.
Lĩnh vực năng lực số	05 phạm vi/lĩnh vực năng lực số: (1) Năng lực xử lí thông tin và dữ liệu; (2) Thành thạo thông tin và dữ liệu; (3) Tạo lập nội dung số; (4) An toàn và (5) Giải quyết vấn đề, chia nhỏ thành 21 năng lực thành phần.	07 lĩnh vực năng lực số (chia nhỏ thành 26 năng lực thành phần): dựa trên 5 lĩnh vực năng lực số của Khung Năng lực Châu Âu, UNESCO đề xuất thêm 2 lĩnh vực năng lực số: Vận hành các thiết bị số; Năng lực định hướng nghề nghiệp liên quan.	05 lĩnh vực năng lực: kĩ thuật số; Khả năng phục hồi và sử dụng an toàn kĩ thuật số; Tham gia và chia sẻ bằng kĩ thuật số; Trí tuệ cảm xúc kĩ thuật số; Sáng tạo và đổi mới bằng kĩ thuật số, chia nhỏ thành 16 năng lực thành phần.	07 nhóm năng lực căn bản dựa trên Khung năng lực số của UNESCO với 26 tiêu chuẩn (năng lực thành phần).

hiều kĩ năng khác như kĩ năng đọc viết và tính toán thành thạo, kĩ năng tư duy phản biện và sáng tạo, kĩ năng giải quyết vấn đề, khả năng hợp tác và kĩ năng cảm xúc xã hội.

Nhìn chung, các nghiên cứu về Khung năng lực số dành cho người lớn đã cung cấp những hiểu biết có giá trị về sự phát triển và đánh giá năng lực số ở đối tượng này. Điều đó hữu ích cho các nhà giáo dục, nhà nghiên cứu trong việc thiết kế chương trình xóa mù chữ chức năng (về công nghệ số) hiệu quả cho người học. Việc đạt được các năng lực số là rất quan trọng đối với người lớn trong thời đại số đang phát triển nhanh chóng, vì nó nâng cao kĩ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và tư duy phản biện của họ. Sự tiến bộ không ngừng của công nghệ khiến các cá nhân cần phải tham gia học tập suốt đời để có được và duy trì các năng lực số.

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu Khung năng lực số ra đời muộn hơn và được chú ý hơn sau Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đặc biệt, trong những năm 2021 - 2022, năng lực số của người học, người dạy cũng được đặc biệt quan tâm trong điều kiện học tập trực tuyến của các cấp học, bậc học. Tuy nhiên, năng lực số cho người lớn ở trung tâm học tập cộng đồng hầu như chưa được đề cập.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- *Phương pháp nghiên cứu lí luận*: Nghiên cứu tài liệu, hỏi cứu tư liệu có liên quan ở trong và ngoài nước để tìm hiểu về các khái niệm liên quan; nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng Khung năng lực số cho người lớn ở một số nước trên thế giới.

- *Phương pháp tổng kết kinh nghiệm thực tiễn*: Để đánh giá, tổng kết kinh nghiệm xây dựng Khung năng lực số cho người lớn tại trung tâm học tập cộng đồng.

2.3. Sự cần thiết xây dựng Khung năng lực số cho học viên người lớn ở trung tâm học tập cộng đồng

2.3.1. Bối cảnh chuyển đổi số

Chuyển đổi số ra đời trong thời đại Internet bùng nổ đang trở nên phổ biến trong thời gian gần đây. Chuyển đổi số đã và đang được Nhà nước và người dân quan tâm. Thủ tướng Chính phủ đã kí quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó “Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử”; có thể nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế với mục tiêu phát triển kinh tế số sẽ chiếm 30% GDP [10, tr. 3].

Báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế cho thấy, Việt Nam là nước bị ảnh hưởng nhất trong khối ASEAN về lao động việc làm do chuyển đổi số, với 70% người lao động ở các ngành nghề cơ bản bị ảnh hưởng [11]. Bối cảnh đặt ra cho người lao động hay người lớn tại cộng đồng là một thách thức lớn trong việc trang bị khả năng thích ứng và làm chủ công nghệ trong tiến trình chuyển đổi số của nền kinh tế. Bên cạnh đó, đứng trước tác động chưa từng có từ đại dịch COVID-19, các tổ chức trên toàn thế giới đã và đang phải chuyển đổi cũng như áp dụng công nghệ mới để có thể tồn tại và phát triển. Theo đó, năng lực số đang trở thành một yêu cầu không thể thiếu trong nhiều công việc ngày nay. Năng lực số chính là chìa khóa để bảo đảm khả năng tồn tại và tiếp tục thành công trong bất kì ngành nghề nào.

Như vậy, trong bối cảnh công nghệ số phát triển mạnh mẽ như hiện nay, nếu lực lượng lao động xã hội cũng như học viên người lớn tại các trung tâm học tập cộng đồng không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng cũng như trang bị cho bản thân năng lực số cần thiết thì sẽ rất khó khăn để bảo đảm và nâng cao chất lượng công việc, lao động sản xuất.

2.3.2. Trung tâm học tập cộng đồng và các chương trình liên quan đến công nghệ thông tin, năng lực số

Tại Việt Nam, theo Điều 44 Luật Giáo dục (2019), trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân [12, tr.16], là trung tâm học tập tự chủ của cộng đồng cấp xã, có sự quản lý, hỗ trợ của Nhà nước; đồng thời phải phát huy mạnh mẽ sự tham gia, đóng góp của nhân dân trong cộng đồng dân cư để xây dựng và phát triển các trung tâm theo cơ chế Nhà nước và nhân dân cùng làm. Do đó, trung tâm học tập cộng đồng là thiết chế giáo dục ngoài chính quy tại xã/phường/thị trấn, được thành lập, quản lý, vận hành do người dân trong cộng đồng với sự hỗ trợ của Nhà nước và các cá nhân, tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời, nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần của người dân trong cộng đồng.

Hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, học tập suốt đời; được phổ biến kiến thức và sáng kiến kinh nghiệm trong sản xuất và cuộc sống góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng năng suất lao động, giải quyết việc làm; nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người dân và cả cộng đồng; là nơi thực hiện việc phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật đến với mọi người dân.

Ở Việt Nam, chưa có nghiên cứu nào đề cập đến Khung năng lực số cho người lớn ở trung tâm học tập cộng đồng. Ở cộng đồng, người lớn gặp nhiều khó khăn trong học tập, từ chương trình, tài liệu đến các vấn đề kinh tế - xã hội khác.

Năm 2006, cuốn “Sổ tay phát triển công nghệ thông tin trong trung tâm học tập cộng đồng” của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã khảo sát, đánh giá kỹ năng công nghệ thông tin của cộng đồng thông qua bộ câu hỏi chung “Câu hỏi điều tra khảo sát học viên về kỹ năng máy tính”, bao gồm một số kỹ năng như: Sử dụng máy tính cá nhân; Quản lý các tập tin trên máy tính; Sử dụng thư điện tử; Sử dụng Internet; In ấn trên máy tính; Soạn thảo văn bản (Ví dụ: Microsoft word); Xử lý bảng tính (Ví dụ: Microsoft excel); Kỹ năng cơ sở dữ liệu (Ví dụ: Microsoft Access); Tìm kiếm thông tin trên máy tính; Sử dụng máy quét ảnh; Sử dụng đồ họa; Thiết kế trang web. Từ đó, xây dựng quy trình sử dụng công nghệ thông tin tại cộng đồng. Thông qua đánh giá nhu cầu của cộng đồng trong sử dụng công nghệ thông tin, cuốn sổ tay đã chỉ ra bốn nhóm học viên chính, từ đó đa dạng hóa chương trình đào tạo giúp người học tập trung vào

việc phát triển các kỹ năng tin học cơ bản, nâng cao năng lực công nghệ thông tin cho cộng đồng [13].

Năm 2010, theo Thông tư số 26/2010/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ, được sử dụng trong dạy học cho người lớn ở trung tâm học tập cộng đồng [14]. Chương trình này không đề cập trực tiếp đến năng lực số hay các năng lực về công nghệ thông tin mà có một số chuyên đề có liên quan đến năng lực số của học viên. Có thể kể đến một số chuyên đề như:

Chuyên đề “*Chất lượng nguồn nhân lực trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập*” đã nêu lên được vai trò, tầm quan trọng nguồn nhân lực có chất lượng cao trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập, chỉ ra được các nguy cơ chủ yếu của nguồn nhân lực chất lượng thấp trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập, xác định được các nguyên nhân chủ yếu của nguồn nhân lực chất lượng thấp [14, tr.13].

Chuyên đề “*Nhu cầu cập nhật kiến thức, khoa học kỹ thuật và công nghệ sản xuất mới trong thời đại ngày nay*” đã nêu lên được xu thế phát triển của khoa học kỹ thuật, công nghệ và sự bùng nổ thông tin trong thời đại ngày nay. Chuyên đề đã trình bày được sự cần thiết cập nhật kiến thức, khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, tăng cường khả năng cạnh tranh, hạn chế nguy cơ thất nghiệp và nêu lên được thực trạng cập nhật kiến thức, khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất mới hiện nay. Chuyên đề cũng đã xác định được những khó khăn, cản trở đối với việc cập nhật kiến thức, khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất mới [14, tr.13].

Chuyên đề “*Vai trò của khoa học kỹ thuật - công nghệ và máy cơ khí trong sản xuất nông nghiệp*” đã xác định được ý nghĩa, vai trò của khoa học kỹ thuật, công nghệ, đặc biệt công nghệ sinh học và máy cơ khí trong sản xuất nông nghiệp. Trong chuyên đề đã phân tích được thực trạng ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ và sử dụng máy nông nghiệp trong sản xuất nông nghiệp hiện nay; Xác định được những khó khăn, cản trở trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ và sử dụng máy nông nghiệp trong sản xuất nông nghiệp. Từ đó, chuyên đề giúp người học áp dụng dần vào sản xuất những thiết bị cơ khí phù hợp điều kiện sản xuất và kinh tế [14, tr.30].

Hiện nay, Chương trình Giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ theo Thông tư số 26/2010/TT-BGDĐT (2010) cần bổ sung, điều chỉnh hoặc thay thế, bởi vì chương trình chưa phản ánh hết nhu cầu của người học trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.3.3. Đặc điểm học viên người lớn tại trung tâm học tập cộng đồng

Đối tượng người học bao gồm: học viên người lớn học chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1 và xóa mù

chữ giai đoạn 2. Học viên học chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ và chương trình giáo dục kỹ năng sống.

Đặc điểm của học viên tham gia học tập các chương trình ở trung tâm học tập cộng đồng là: phần đông là những người lớn. Họ có thể là những người có trình độ văn hóa hạn chế, không có hoặc ít có cơ hội tiếp cận với giáo dục chính quy. Bên cạnh đó, có những học viên là người có trình độ văn hóa cao, đã được đào tạo ở trình độ nào đó (trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ). Họ có thể là nông dân, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang; họ có thể là người đương chức, người đã nghỉ hưu, người cao tuổi, hội viên của các tổ chức chính trị, xã hội... Họ là những người lao động ở nông thôn, làm việc trong các khu công nghiệp, làng nghề, vạn chài hoặc người lao động thuộc nhiều thành phần kinh tế khác hoặc là những người đang theo học các khóa học theo hình thức vừa làm vừa học...

Trước đây, đối tượng người học của trung tâm học tập cộng đồng chủ yếu là người lớn mù chữ (học xóa mù chữ), người lớn có trình độ văn hóa thấp. Ngày nay, cùng với sự phát triển của xã hội, trước những yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng cuộc sống, đối tượng người học ở trung tâm học tập cộng đồng ngày càng đa dạng.

Đặc điểm học tập của học viên người lớn:

- Học tập cũng là công việc. Học viên đi học với mục đích theo đuổi một số nhu cầu thiết thực phục vụ cuộc sống, lao động sản xuất, nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng cuộc sống cho bản thân, gia đình.

- Học tập có tính mục đích rõ ràng. Họ “cần gì học nấy”, học cho hôm nay, không phải cho mai sau. Họ không học những điều mà họ không biết để làm gì. Họ học những điều thiết thực nhất, có thể vận dụng được ngay vào cuộc sống lao động, sản xuất hiện tại để tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Học tập qua công việc (học qua làm, làm để học): Học viên học qua trải nghiệm thực tiễn, qua giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống và ngay cả trong quá trình học tập.

- Học tập luôn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của kinh nghiệm sống và những hiểu biết đã có trước: học viên luôn so sánh, đối chiếu những điều đã học với kinh nghiệm, hiểu biết đã có của bản thân. Những hiểu biết này có thể hỗ trợ cho học viên học tập dễ dàng hơn, nhanh hơn nhưng cũng có thể là cản trở tiếp thu cái mới.

- Học tập mang tính chất tự nguyện: Mọi sự áp đặt không có tác dụng với học viên đặc biệt là những người ít học. Học viên thích học những gì mà bản thân họ cho là đúng (có tình, có lý), học những gì mà họ cần và gắn với những kinh nghiệm của bản thân thông qua hành động.

Như vậy, đối tượng học viên người lớn tại các trung tâm học tập cộng đồng có những đặc thù riêng khác với

đặc điểm học tập của học sinh phổ thông đó là người lớn tại cộng đồng đã có vốn kinh nghiệm sống nhất định, họ học tập có mục đích rõ ràng và có kế hoạch. Vì vậy, không nên áp dụng một cách máy móc, rập khuôn theo nội dung, chương trình, Khung năng lực số như trong nhà trường chính quy.

2.4. Đề xuất một số nguyên tắc xây dựng Khung năng lực số cho học viên người lớn ở trung tâm học tập cộng đồng

Nguyên tắc 1: Năng lực số của học viên người lớn tại trung tâm học tập cộng đồng cần được phát triển xuyên suốt trong quá trình học tập tại cộng đồng chứ không chỉ giới hạn ở chuyên đề về công nghệ thông tin.

Nguyên tắc 2: Năng lực số của học viên người lớn không chỉ là trang bị kiến thức về công nghệ mà còn là kỹ năng thực hành trong cuộc sống, công việc và thái độ hợp tác, chia sẻ trong môi trường số. Ngoài ra, năng lực số của người lớn được phát triển thông qua các hoạt động học tập chuyên đề tại cộng đồng nên học viên cần được hình thành năng lực số ngay cả khi học theo hình thức học tập truyền thống, học theo lớp mà không tham gia học tập trực tuyến.

Nguyên tắc 3: Chú trọng kiến thức số dành cho đối tượng người lớn tại cộng đồng sẽ khác với kiến thức số dành cho đối tượng học sinh phổ thông. Đó là tập trung vào những kiến thức số mà học viên sẽ cần để sử dụng thành thạo cho mục đích phát triển nghề nghiệp của bản thân. Cần lồng ghép kiến thức số vào tất cả các nội dung học chuyên đề của người dân tại cộng đồng.

Nguyên tắc 4: Khi xây dựng Khung năng lực số cho học viên người lớn cần chú ý đến yếu tố cân bằng giữa an toàn trên môi trường số và quyền tham gia, bảo vệ học viên khỏi các rủi ro trong không gian mạng. Đồng thời, cần trang bị cho học viên những kiến thức, quy định của pháp luật và những kỹ năng cần thiết khi tham gia môi trường và xã hội số.

Nguyên tắc 5: Khi xây dựng Khung năng lực số cho người lớn tại trung tâm học tập cộng đồng cần tính đến yếu tố tích hợp phát triển các kỹ năng khác cho học viên người lớn, gồm: kỹ năng nền tảng (đọc, viết, tính toán); kỹ năng chuyển đổi (hay còn gọi là kỹ năng mềm/kỹ năng sống thế kỷ XXI) và kỹ năng đặc thù công việc (kỹ năng nghề nghiệp).

Nguyên tắc 6: Khi xây dựng Khung năng lực số cho người lớn tại trung tâm học tập cộng đồng cần dựa trên nền tảng Khung năng lực số phù hợp với Việt Nam, gồm có: “Khung năng lực số” (DigComp) của Liên minh Châu Âu dành cho người lớn tại Châu Âu, Khung năng lực số của UNESCO dành cho công dân toàn cầu. Ngoài ra, quá trình xây dựng Khung năng lực số phải bảo đảm phù hợp với đối tượng học viên người lớn ở tất cả các vùng miền của cả nước (Vùng nông thôn cũng như vùng thành thị, vùng khó khăn và vùng thuận lợi).

3. Kết luận

Xây dựng Khung năng lực số cho học viên người lớn tại các trung tâm học tập cộng đồng có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở nền tảng để phát triển các chuyên đề học tập nhằm nâng cao năng lực số cho người dân ở cộng đồng. Từ đó, giúp học viên người lớn tại các trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời, có được năng lực số cần thiết để sống, lao động, học tập và tham gia giao tiếp xã hội tích cực và an toàn trong môi trường số. Việc phát triển năng lực số cho học viên người lớn không chỉ được thể hiện ở nội dung dạy học mà còn ở hình thức tổ chức và phương pháp dạy học. Năng lực số không chỉ là kiến thức về công nghệ, năng lực số của học viên người lớn được phát triển khi biết

vận dụng kiến thức trong công việc và cuộc sống. Để tiến hành áp dụng được năng lực số cho học viên cần song song nghiên cứu về việc tăng cường phát triển năng lực số cho giáo viên/hướng dẫn viên, cán bộ quản lý tại các trung tâm học tập cộng đồng.

Lời cảm ơn: Bài viết là kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ theo chức năng năm 2023 của Ban Nghiên cứu Giáo dục thường xuyên, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. Tên nhiệm vụ: “Nghiên cứu đề xuất Khung năng lực số đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời cho học viên người lớn ở Trung tâm học tập cộng đồng”. Mã số V2023-06TX.

Tài liệu tham khảo

- [1] Thủ tướng Chính phủ, (30/7/2021), *Quyết định số 1373/QĐ-TTg phê duyệt Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030*.
- [2] Thủ tướng Chính phủ, (25/01/2022), *Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030*.
- [3] Law, N., et al, (2018), *A Global Framework of Reference on Digital Literacy Skills for Indicator 4.4. 2*.
- [4] Le Vinh, A., P. Duc Quang, and D. Do Lan, (May 23, 2019), *The DKAP Project The Country Report of Vietnam*. Pham and Duc Lan, Do, *The DKAP Project The Country Report of Vietnam*.
- [5] Commission, E., (2012), *Digital Competence in Practice: An Analysis of Frameworks 2012*.
- [6] Hague, C., & Payton, S, (2010), *Digital literacy across the curriculum*. Bristol, UK: Futurelab, www.futurelab.org.uk/projects/digitalparticipation.
- [7] Janssen, J., Stoyanov, S., Ferrari, A., Punie, Y., Pannekeet, K., & Sloep, P, (2013), *Experts' views on digital competence: Commonalities and differences*, *Computers & Education*, 68, 473-481.
- [8] Carretero, S., R. Vuorikari, and Y. Punie, *The Digital Competence Framework for Citizens*.
- [9] Đỗ Văn Hùng và cộng sự, (2021), *Khung năng lực số dành cho sinh viên*, DigiLit 1.0, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, <http://sim.ussh.vnu.edu.vn/vi/news/nang-luc-so/khung-nang-luc-so-danh-cho-sinh-vien-110.html>.
- [10] Thủ tướng Chính phủ, (30/6/2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.
- [11] Chang, J. H., & Huynh, P, (2016), *ASEAN in Transformation - The Future of Jobs at Risk of Automation*. International Labour Office Bureau for Employers' Activities, ILO Regional Office for Asia and the Pacific.
- [12] Quốc hội, (14/6/2019), *Luật Giáo dục*, Luật số 43/2019/QH14.
- [13] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2006), *Sổ tay phát triển công nghệ thông tin trong Trung tâm học tập cộng đồng (Lưu hành nội bộ)*.
- [14] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (27/10/2010), *Thông tư số 26/2010/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ*.

THE NECESSITY OF DEVELOPING A DIGITAL COMPETENCE FRAMEWORK FOR ADULTS AT COMMUNITY LEARNING CENTERS

Mai Thi Phuong*¹, Ho Huyen Trang²,
Nguyen Thi Hai³

* Corresponding author

¹ Email: phuongmt@vnies.edu.vn

² Email: tranghh@vnies.edu.vn

³ Email: haint@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
No.4 Trinh Hoai Duc street, Dong Da, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: An overview study of the digital competency framework for adults studying at Community Learning Centers (CLCs) in the context of digital transformation is necessary for Vietnamese education in the current period. In adult learning, promoting digital transformation to promote lifelong learning and create new, effective, economical, and convenient learning methods is a practical contribution of information technology and digital transformation. By means of theoretical research, the article focuses on the necessity of building a Digital Competence Framework for adult learners in CLCs. On that basis, the principles of building a Digital Competence Framework for adult learners in CLCs are proposed.

KEYWORDS: Digital competence, digital competence framework, adult learners, the Community Learning Centers (CLCs), skills.